

Tăng tỷ trọng

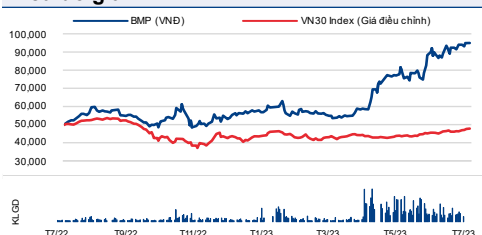
Giá mục tiêu: VNĐ93,800

Tiềm năng tăng/giảm: -1.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/7/2023)	95,000
Mã Bloomberg	BMP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	48,474-95,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	95,000
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,777
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	329
Slg CP lưu hành (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	13.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	83.3%
Tỷ lệ freefloat	33.1%
Cổ đông lớn	Nawa Plastic (55.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	5,808	5,794	6,257
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,146	1,383	1,144
LNTT (tỷ đồng)	871	1,148	890
LNT ĐC (tỷ đồng)	694	918	712
FCF (tỷ đồng)	729	801	794
EPS ĐC (đồng)	8,481	11,215	8,696
DPS (đồng)	8,400	11,000	8,500
BVPS (đồng)	32,021	34,039	31,039
T.trưởng EBITDA (%)	118	20.7	(17.3)
T.trưởng EPS ĐC (%)	224	32.2	(22.5)
Tăng trưởng DPS (%)	223	31.0	(22.7)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.7	23.9	18.3
Tỷ suất LNTT (%)	15.0	19.8	14.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.0	15.8	11.4
Tỷ lệ LN trả CT (%)	99.0	98.1	97.8
Nợ thuần/VCSH (%)	(11.4)	(14.7)	(12.0)
ROAE (%)	28.3	34.0	26.7
ROACE (%)	39.4	44.2	35.8
EV/doanh thu (lần)	1.12	1.07	1.01
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.68	4.49	5.54
P/E ĐC (lần)	11.2	8.47	10.9
P/B (lần)	2.97	2.79	3.06
Lợi suất cổ tức (%)	8.84	11.6	8.95

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhựa Bình Minh là công ty sản xuất ống nhựa hàng đầu Việt Nam nhờ vào chất lượng sản phẩm vượt trội và thương hiệu hàng đầu cả nước.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2023: Lợi nhuận cao kỷ lục, vượt 6,5% dự báo

- BMP công bố lợi nhuận thuần cao kỷ lục trong Q2/2023, với lợi nhuận thuần tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đạt 295 tỷ đồng và vượt 6,5% dự báo của chúng tôi nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp vượt kỳ vọng. Doanh thu là 1.336 tỷ đồng, giảm 13,5%, sát với dự báo của chúng tôi.
- Doanh thu thuần giảm do sản lượng tiêu thụ giảm 14%. Trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng mạnh nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp đạt mức cao kỷ lục là 42,8%, so với quý cao thứ hai là 38,5% ghi nhận trong Q1/2016, chủ yếu nhờ chi phí đầu vào tiếp tục giảm.
- Giá cổ phiếu BMP đã tăng 63% và vượt trội 49% so với chỉ số VNIndex trong 3 tháng vừa qua. Sau đợt tăng giá này, HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2023

Vào ngày 19/7/2023, BMP công bố lợi nhuận thuần Q2/2023 ấn tượng đạt 295 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ và vượt 6,5% so với dự báo của chúng tôi là 276 tỷ đồng, trong khi doanh thu là 1.336 tỷ đồng (giảm 13,5% so với cùng kỳ), sát với dự báo của chúng tôi là 1.331 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Doanh thu Q2/2023 giảm do sản lượng tiêu thụ yếu

Xin nhắc lại, trong Báo cáo doanh nghiệp "Nâng giá mục tiêu do chi phí đầu vào giảm" (ngày 29/6/2023, HSC), chúng tôi quan sát thấy sản lượng tiêu thụ tháng 4-5/2023 giảm 25-30% so với cùng kỳ do nhu cầu thấp trên thị trường BĐS và chiến lược duy trì giá bán cao của BMP.

Trong tháng 6/2023, BMP một lần nữa áp dụng tăng mức chiết khấu thêm 5% cho khách hàng để hỗ trợ doanh thu. Do đó, sản lượng tiêu thụ tháng 6/2023 tăng đáng kể so với cùng kỳ và so với tháng trước. Chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ Q2/2023 là 22.690 tấn (giảm 14% so với cùng kỳ).

Doanh thu thuần Q2/2023 sát với dự báo của chúng tôi là 1.336 tỷ đồng (giảm 13,5% so với cùng kỳ), tương đương doanh thu thuần nửa đầu năm 2023 là 2.672 tỷ đồng (giảm 8,2% so với cùng kỳ). Theo đó, BMP đạt 46,1% dự báo doanh thu thuần cả năm 2023 của chúng tôi là 5.794 tỷ đồng (giảm 0,3% so với cùng kỳ).

Lợi nhuận thuần tăng gấp đôi nhờ tỷ suất lợi nhuận tiếp tục mở rộng

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm, lợi nhuận thuần của BMP liên tục lập kỷ lục mới. Theo đó, lợi nhuận thuần Q2/2023 của BMP là 295 tỷ đồng (tăng 103,9% so với cùng kỳ) và vượt dự báo của chúng tôi là 276 tỷ đồng. Những động lực chính bao gồm:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 19/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2023 và 6 tháng đầu năm 2023, BMP

Q2/2023: Lợi nhuận cao kỷ lục, vượt 6,5% dự báo

Chỉ tiêu	Q2/23	% sv cùng kỳ	6T23	% sv cùng kỳ	2023F	% đạt dự báo HSC
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	22,690	-14.0%	48,165	-1.7%	102,636	46.9%
Giá bán BQ (đồng/tấn)	59.4	0.6%	55.5	-6.6%	56.4	
Doanh thu (tỷ đồng)	1,348	-13.5%	2,672	-8.2%	5,794	46.1%
LNST (tỷ đồng)	295	103.9%	576	112.2%	918	62.7%

Nguồn: BMP, HSC

- Chi phí đầu tiếp tục giảm. Giá hạt nhựa PVC trong Q2/2023, chiếm 70% chi phí sản xuất, ước tính chỉ giao dịch ở mức 762 USD/tấn (giảm 44,6% so với cùng kỳ).
- Giá bán bình quân đi ngang trong tháng 4 và tháng 5/2023 trong khi giảm 5% so với cùng kỳ trong tháng 6/2023.

Nhờ đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của BMP đạt mức cao kỷ lục 42,8%, so với 25,1% trong Q2/2022. Lưu ý, mức tỷ suất lợi nhuận gộp cao thứ hai của BMP được ghi nhận trong Q1/2016 là 38,5%.

Từ đó, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2023 của BMP đạt 576 tỷ đồng (tăng 112,2% so với cùng kỳ), đạt 62,7% dự báo cả năm 2023 của chúng tôi là 918 tỷ đồng (tăng trưởng 32,2%).

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Do KQKD Q2/2023 nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi, chúng tôi hiện duy trì dự báo trong năm 2023 với doanh thu thuần là 5.794 tỷ đồng (giảm 0,3% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 918 tỷ đồng (tăng trưởng 32,2%).

Giá hạt nhựa PVC tăng nhẹ 4% kể từ đầu tháng lên 780 USD/tấn so với 750 USD/tấn trong tháng 6/2023. Giá hạt nhựa PVC tiếp tục phục hồi sẽ là rủi ro ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận của BMP trong nửa cuối năm 2023.

BMP đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,7 lần, so với mức bình quân trong 6 năm qua là 9,9 lần. Trong năm 2023, chúng tôi hiện dự báo BMP sẽ chi trả cổ tức bằng tiền mặt tổng cộng là 11.000đ/cp, tương đương lợi suất cổ tức là 11,3%.

Chúng tôi hiện khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu là 93.800đ. Giá cổ phiếu BMP đã tăng 63% và vượt trội 49% so với chỉ số VNIndex trong 3 tháng vừa qua. Do đó, chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với BMP.

Bảng 2: Dự báo lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2023, BMP

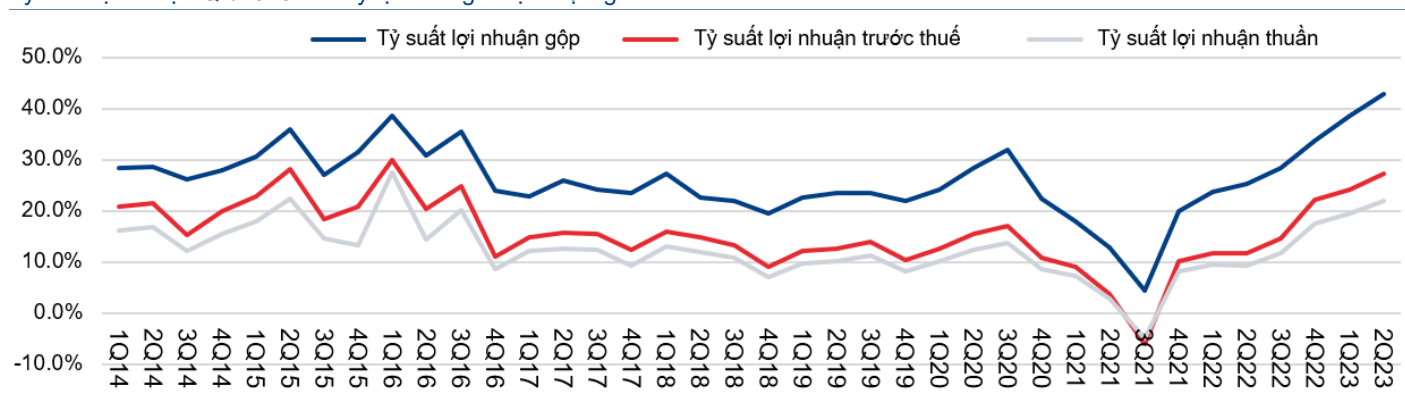
Chúng tôi dự báo lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2023 sẽ giảm so với cùng kỳ và so với nửa đầu năm do giá hạt nhựa tăng

Chỉ tiêu	6T22	6T23F	% so với cùng kỳ	% so với 6T đầu năm	2022	2023F	% tăng trưởng
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	48,742	54,471	11.8%	13.1%	97,749	102,636	5.0%
Giá bán BQ (đồng/tấn)	59.4	57.3	-3.6%	3.3%	59.4	56.4	-5.0%
Doanh thu (tỷ đồng)	2,896	3,122	7.8%	16.8%	5,808	5,794	-0.3%
LNST (tỷ đồng)	423	342	-19.1%	-40.6%	694	918	32.2%

Nguồn: HSC

Biểu đồ 3: Diễn biến tỷ suất lợi nhuận theo quý, BMP

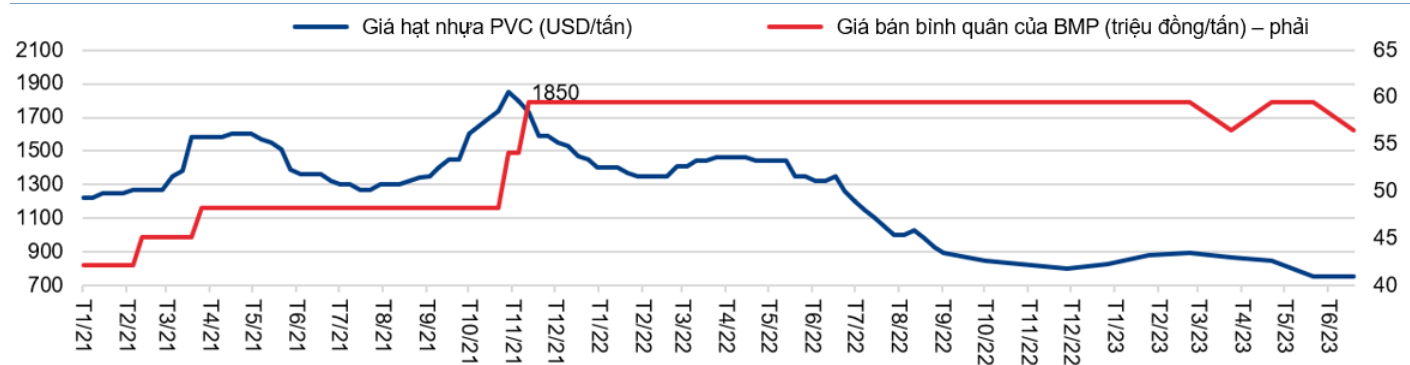
Tỷ suất lợi nhuận Q2/2023 cao kỷ lục nhờ giá hạt nhựa giảm



Nguồn: Bloomberg, HSC

Biểu đồ 4: Giá hạt nhựa và giá bán bình quân của BMP

Chênh lệch đã mở rộng trong Q2/2023, do giá hạt nhựa giảm



Nguồn: Bloomberg, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	4,553	5,808	5,794	6,257	6,758
Lợi nhuận gộp	704	1,608	1,969	1,756	1,763
Chi phí BH&QL	(369)	(632)	(765)	(795)	(757)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	335	975	1,204	961	1,006
Lãi vay thuần	(65.4)	(102)	(60.2)	(75.2)	(99.2)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	2.31	(4.94)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(3.61)	3.26	3.25	3.51	3.79
LNTT	268	871	1,148	890	910
Chi phí thuế TNDN	(53.8)	(177)	(230)	(178)	(182)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	214	694	918	712	728
Lợi nhuận thuần ĐC	214	694	918	712	728
EBITDA ĐC	526	1,146	1,383	1,144	1,192
EPS (đồng)	2,619	8,481	11,215	8,696	8,895
EPS ĐC (đồng)	2,619	8,481	11,215	8,696	8,895
DPS (đồng)	2,600	8,400	11,000	8,500	8,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	173	359	464	360	642
Đầu tư ngắn hạn	815	965	1,159	1,126	879
Phải thu khách hàng	370	279	313	348	348
Hàng tồn kho	619	577	579	563	608
Các tài sản ngắn hạn khác	31.5	36.0	35.9	38.8	41.9
Tổng tài sản ngắn hạn	2,008	2,215	2,551	2,435	2,518
TSCĐ hữu hình	393	386	270	153	76.2
TSCĐ vô hình	9.33	7.20	13.1	14.6	16.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	42.0	2.00	2.00	2.00	2.00
Đầu tư vào Cty LD,LK	69.7	64.4	64.4	64.4	64.4
Tài sản dài hạn khác	316	370	406	438	473
Tổng tài sản dài hạn	830	830	756	672	632
Tổng cộng tài sản	2,838	3,045	3,306	3,108	3,150
Nợ ngắn hạn	57.3	55.2	52.1	50.1	67.6
Phải trả người bán	200	91.4	191	225	260
Nợ ngắn hạn khác	232	188	188	203	219
Tổng nợ ngắn hạn	523	403	500	547	615
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	545	423	520	567	635
Vốn chủ sở hữu	2,293	2,621	2,786	2,541	2,515
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,293	2,621	2,786	2,541	2,515
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,838	3,045	3,306	3,108	3,150
BVPS (đ)	28,017	32,021	34,039	31,039	30,722
Nợ thuần/(tiền mặt)	(116)	(303)	(412)	(310)	(574)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	335	975	1,204	961	1,006
Khấu hao	(191)	(170)	(178)	(182)	(187)
Lãi vay thuần	(65.4)	(102)	(60.2)	(75.2)	(99.2)
Thuế TNDN đã nộp	(55.2)	(131)	(230)	(178)	(182)
Thay đổi vốn lưu động	(369)	(59.9)	(131)	59.8	250
Khác	130	121	82.3	89.1	104
LCT thuần từ HKKD	(30.7)	799	870	861	1,083
Đầu tư TS dài hạn	(159)	(70.0)	(68.8)	(66.5)	(112)
Góp vốn & đầu tư	(1,390)	(922)	194	(32.4)	(248)
Thanh lý	1,750	797	(304)	(58.4)	153
Khác	90.2	50.0	96.9	94.5	84.1
LCT thuần từ HĐĐT	291	(145)	(81.6)	(62.8)	(123)
Cổ tức trả cho CSH	(285)	(467)	(679)	(900)	(696)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1.96	(2.11)	(3.02)	(2.09)	17.5
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(283)	(469)	(682)	(903)	(678)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	196	173	359	464	360
LCT thuần trong kỳ	(22.8)	186	105	(105)	282
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.02)	0.02	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	173	359	464	359	641
Dòng tiền tự do	(190)	729	801	794	971

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.5	27.7	34.0	28.1	26.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.6	19.7	23.9	18.3	17.6
Tỷ suất LNT (%)	4.71	12.0	15.8	11.4	10.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.1	20.3	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(2.84)	27.6	(0.25)	8.00	8.00
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(42.0)	118	20.7	(17.3)	4.25
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(59.0)	224	32.2	(22.5)	2.29
Tăng trưởng EPS (%)	(59.0)	224	32.2	(22.5)	2.29
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(59.0)	224	32.2	(22.5)	2.29
Tăng trưởng DPS (%)	(58.9)	223	31.0	(22.7)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	99.3	99.0	98.1	97.8	95.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.00	28.3	34.0	26.7	28.8
ROACE (%)	13.9	39.4	44.2	35.8	39.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.55	1.97	1.82	1.95	2.16
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.09)	0.82	0.72	0.90	1.08
Số ngày tồn kho	58.7	50.1	55.3	45.7	44.4
Số ngày phải thu	35.1	24.2	29.8	28.2	25.4
Số ngày phải trả	18.9	7.94	18.2	18.2	19.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(4.46)	(11.4)	(14.7)	(12.0)	(22.7)
Nợ/tài sản (%)	2.49	1.92	1.68	1.73	2.27
EBIT/lãi vay (lần)	5.12	9.53	20.0	12.8	10.1
Nợ/EBITDA (lần)	0.13	0.05	0.04	0.05	0.06
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.84	5.49	5.10	4.46	4.09
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.50	1.12	1.07	1.01	0.94
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.0	5.68	4.49	5.54	5.30
P/E (lần)	36.3	11.2	8.47	10.9	10.7
P/E ĐC (lần)	36.3	11.2	8.47	10.9	10.7
P/B (lần)	3.39	2.97	2.79	3.06	3.09
Lợi suất cổ tức (%)	2.74	8.84	11.6	8.95	8.95

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn